

BÁO CÁO KỸ THUẬT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH GIỚI

LỒNG GHÉP GIỚI TRONG BẢN CẬP
NHẬT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI
KHÍ HẬU TẠI QUẢNG TRỊ 2025 - 2030



On behalf of:



Federal Ministry
for the Environment, Climate Action,
Nature Conservation and Nuclear Safety



of the Federal Republic of Germany

Chịu trách nhiệm bởi

Deutsche Gesellschaft für Internationale

Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Trụ sở đăng kí

Bonn and Eschborn, Đức

Dự án

Hỗ trợ Việt Nam thực hiện thỏa thuận Paris II

(VN-SIPA II)

Tác giả

Trương Quang Hồng và Nguyễn Ngọc Thủy

Miễn trừ trách nhiệm

Các kết quả, diễn giải, minh họa trình bày và kết luận trong tài liệu này dựa trên các thông tin do GIZ, đối tác và công tác viên thu thập. GIZ không đảm bảo tính chính xác hoặc tính hoàn chỉnh của các thông tin và minh họa trong tài liệu này, và do đó không bị ràng buộc trách nhiệm cho bất kỳ lỗi sai, thiếu sót, hoặc tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.

Đại diện cho

Dự án được thực hiện thay mặt Sáng kiến Khí hậu Quốc tế (IKI) của Chính phủ Liên bang Đức. Trong Chính phủ Liên bang, IKI thuộc Bộ Môi trường, Hành động khí hậu, Bảo tồn thiên nhiên và An toàn hạt nhân Liên bang Đức (BMUKN). Một số dự án riêng lẻ cũng đồng thời thuộc trách nhiệm của Bộ Ngoại giao Liên bang Đức (AA).

(Tháng/Năm)

10/2025

Mục lục

1. Giới thiệu và Bối cảnh	3
2. Mục tiêu phân tích giới	4
3. Phương pháp nghiên cứu	5
3.1. Câu hỏi nghiên cứu	5
3.2. Phương pháp nghiên cứu	5
4. Tác động của Biến đổi Khí hậu tại Quảng Trị.....	7
5. Phân tích Giới trong bối cảnh Biến đổi Khí hậu tại Việt Nam và tỉnh Quảng Trị.....	9
6. Khung Pháp lý và Hiện trạng Lồng ghép Giới trong Lập kế hoạch Ứng phó Biến đổi Khí hậu tỉnh Quảng Trị	16
6.1. Khung Pháp lý Lồng ghép Giới trong Ứng phó Biến đổi khí hậu	16
6.2. Rà soát Lồng ghép Giới trong bản cập nhật CCRAP Quảng Trị 2025 – 2030 ...	17
6.3. Năng lực Lồng ghép Giới tại Địa phương.....	19
7. Các Phát hiện chính của Phân tích Giới.....	21
8. Khuyến nghị.....	22
Tài liệu tham khảo	23

1. Giới thiệu và Bối cảnh

Hiện nay, Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (CCRAP) tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã hoàn thành. Các đối tác cấp tỉnh đã nhận thấy sự cần thiết phải lồng ghép cách tiếp cận đáp ứng giới vào quá trình lập kế hoạch này.

Tuy nhiên, các địa phương đang gặp khó khăn trong việc chuyển hóa các vấn đề giới thành các hành động khả thi, do tồn tại khoảng trống lớn về kiến thức liên quan đến bình đẳng giới và mối liên hệ của nó với biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai.

Để đáp ứng yêu cầu tư vấn hỗ trợ chính quyền địa phương trong việc bảo đảm cách tiếp cận đáp ứng giới được tích hợp xuyên suốt quá trình lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là trong CCRAP, việc tiến hành phân tích giới cấp tỉnh đã được xác định là một nhiệm vụ then chốt trong gói tư vấn này.

2. Mục tiêu phân tích giới

Phân tích giới trong bối cảnh biến đổi khí hậu giúp nhận diện sự khác biệt giữa nam và nữ về mức độ dễ bị tổn thương, khả năng phục hồi, và cơ hội tiếp cận thông tin, nguồn lực và hỗ trợ. Đây là căn cứ quan trọng để đề xuất các giải pháp lồng ghép giới hiệu quả vào Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh.

Do đó, phân tích giới này hướng tới các mục tiêu:

- Cung cấp cái nhìn tổng quan về tính dễ bị tổn thương của phụ nữ và trẻ em gái trước tác động của biến đổi khí hậu, cũng như mức độ các nội dung này đã được lồng ghép vào các văn bản pháp lý, kế hoạch liên quan đến biến đổi khí hậu của tỉnh hiện nay; đồng thời chỉ ra những khoảng trống và thách thức.
- Rà soát bản dự thảo CCRAP Quảng Trị hiện tại và đưa ra khuyến nghị về việc lồng ghép giới trong các lĩnh vực then chốt: nông nghiệp, tài nguyên và môi trường, y tế và giáo dục, du lịch và dịch vụ.
- Đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường nội dung giới trong CCRAP giai đoạn 2025–2030 của tỉnh.

Cụ thể hơn, các kết quả đầu ra kỳ vọng của phân tích này bao gồm:

1. Làm rõ các khác biệt về vai trò, trách nhiệm, khả năng phục hồi và mức độ dễ bị tổn thương giữa nam và nữ trong các lĩnh vực chịu tác động của biến đổi khí hậu.
2. Đánh giá mức độ lồng ghép giới trong chính sách, chương trình, kế hoạch và năng lực thực hiện của các bên liên quan.
3. Xác định rào cản, khoảng trống và nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật để tăng cường lồng ghép giới trong CCRAP.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

Rà soát các báo cáo đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tại tỉnh Quảng Trị cũng như các dự báo kịch bản về biến đổi khí hậu cho thấy các lĩnh vực kinh tế - xã hội chịu tác động lớn bao gồm: nông nghiệp – môi trường, du lịch – thương mại, y tế và giáo dục. Với hiện trạng này, phân tích giới tập trung vào làm rõ các tác động của biến đổi khí hậu tới các lĩnh vực này và trả lời các câu hỏi cụ thể sau đây:

1. Các tác động của biến đổi khí hậu trong từng lĩnh vực kinh tế xã hội khác biệt như thế nào đối với nam giới và nữ giới, và các nhóm đối tượng khác?
2. Những rào cản nào đang hạn chế sự tham gia vào ứng phó biến đổi khí hậu, tiếp cận nguồn lực và dịch vụ và phục hồi của nam giới và nữ giới?
3. Có sự khác biệt như thế nào trong năng lực ứng phó và phục hồi trước tác động của biến đổi khí hậu giữa nam giới và nữ giới?
4. Cần có giải pháp gì để bảo đảm lồng ghép giới hiệu quả trong kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu cấp tỉnh?

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong khuôn khổ nguồn lực và thời gian của gói tư vấn diễn ra đúng giai đoạn triển khai sáp nhập cấp tỉnh và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hoạt động Phân tích Giới được đề xuất kết hợp cả hai phương pháp thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp. Trong đó, việc rà soát các nghiên cứu có sẵn, các báo cáo và số liệu tại địa phương cung cấp bức tranh tổng thể về khác biệt giới trong tác động của biến đổi khí hậu cũng như lồng ghép giới trong kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu. Phỏng vấn sâu với lãnh đạo và cán bộ chuyên môn các ban ngành liên quan, cung cấp bổ sung các bằng chứng cụ thể cũng như các bài học kinh nghiệm trong lĩnh vực ứng phó biến đổi khí hậu. Khung phân tích giới và các công cụ thu thập số liệu được đính kèm trong một tài liệu khác của tư vấn.

Tổng cộng 8 phỏng vấn sâu được thực hiện với đại diện lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của các phòng ban liên quan, bao gồm:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường
- Chi cục Thủy lợi & Phòng chống Thiên tai
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- Sở Công Thương
- Sở Y tế
- Sở Giáo dục và Đào tạo
- Sở Nội vụ

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

4. Tác động của Biến đổi Khí hậu tại Quảng Trị¹

Quảng Trị là tỉnh thuộc duyên hải Bắc Trung Bộ với giới hạn tọa độ địa lý 16°55' đến 18°05' vĩ độ Bắc và từ 105°37' đến 106°05' kinh độ Đông. Với địa hình đồi núi cao hiểm trở, hẹp bề ngang và dốc, nghiêng từ Tây sang Đông và chia cắt ở các khu vực phía Tây của tỉnh. Phần lớn diện tích (trên 85%) của tỉnh là đồi núi; các dạng địa hình khác là trung du, đồng bằng duyên hải và bãi cát ven biển chỉ chiếm gần 15%. Do vậy, diện tích đất sản xuất nông nghiệp tương đối hạn chế và thường xuyên gánh chịu lũ lụt bất thường vào mùa mưa do hệ thống sông suối ngắn, dốc, chảy từ Tây sang Đông. Bên cạnh đó với bờ biển dài, có nhiều bãi biển và điểm nghỉ ngơi giải trí đẹp cùng với hệ thống hang động được UNESCO công nhận di sản thế giới, Quảng Trị có điều kiện phát triển kinh tế du lịch và thương mại. Đây cũng là lĩnh vực kinh tế chịu nhiều tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu tại địa phương.

Cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Trị (tính theo tổng sản phẩm GRDP) được ghi nhận trong Niên giám Thống kê của tỉnh năm 2023 thể hiện khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất với 50,01%, tiếp đến là khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 27,39% và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 19,14%.

Với tổng dân số 918.665 người, đa phần dân cư sống ở vùng nông thôn với 76.61% trong khi đó dân số đô thị chiếm 23.39%. Phần lớn cư dân địa phương là người Kinh. Hai dân tộc ít người có dân số đông nhất là Chứt (bao gồm các nhóm tộc người: Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng) và Bru-Vân Kiều (gồm các nhóm tộc người: Vân Kiều, Ma Coong, Khùa, Sách)... sống tập trung ở hai xã miền núi Tuyên Hoá và Minh Hoá và một số xã miền tây của các xã Bồ Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thuỷ. Mức sống của dân cư trên địa bàn tỉnh là không đồng đều, khu vực thành thị, chất lượng sống của người dân cao hơn khu vực nông thôn, vùng dân tộc.

Năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh Quảng Trị đạt 435.270 người, tăng 501 người, trong đó lao động nam chiếm 52,27% và lao động nữ chiếm 47,73%; lực lượng lao động ở khu vực thành thị chiếm 24,62%; khu vực nông thôn chiếm 75,38%. Về chất lượng nguồn nhân lực, tỉ lệ lao động đã qua đào tạo nam giới đạt 31,4% và nữ giới đạt 23,6%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị, tương đương 3.4 và 2.45%. Số liệu phân tách giới cho thấy tỉ lệ thất nghiệp ở nam giới cao hơn nữ giới, tương đương 3.16% và 2.45%.

Do vị trí địa lý, đặc điểm về khí hậu và địa hình rất phức tạp, đặc biệt là dưới tác động của biến đổi khí hậu, Quảng Trị là một trong các tỉnh thường chịu các loại hình thiên tai với tần suất và mức độ lớn nhất trong cả nước. Trong đó, nhiều nhất là bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, rét đậm, rét hại. Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức nghiêm trọng nhất mà tỉnh Quảng Trị phải đối mặt trong thời gian qua, đặc biệt từ năm 2020 đến nay diễn biến thời tiết, thiên tai chịu ảnh hưởng không nhỏ của biến đổi khí hậu nên khó nắm

¹ Thông tin trong phần này được trích dẫn từ bản cập nhật Kế hoạch Hành động Ứng phó Biến đổi Khí hậu tỉnh Quảng Trị 2025.

bất hơn. Biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ tác động mạnh mẽ đến môi trường tự nhiên, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, các khu vực và đời sống, sức khỏe của người dân ở trên địa bàn toàn tỉnh. Các loại hình thiên tai, hiện tượng thời tiết cực đoan trên địa bàn tỉnh Quảng Trị dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, khó lường.

Là tỉnh thường xuyên ảnh hưởng bởi thiên tai, nguồn thu ngân sách còn thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn; đa phần thu nhập người dân ở mức trung bình và thấp do đó còn nhiều nhà chưa đảm bảo về chống lũ, bão, khi có bão mạnh, siêu bão gây ra sập đổ, tập trung ở các khu vực vùng ven biển, cửa sông, vùng hạ lưu các hồ, đập, các vùng trũng thấp, các khu vực dân cư ven sườn đồi núi, khe suối.

5. Phân tích Giới trong bối cảnh Biến đổi Khí hậu tại Việt Nam và tỉnh Quảng Trị

Như đã đề cập ở phần Phương pháp nghiên cứu, do hạn chế về thời gian và nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ Phân tích Giới cũng như hạn chế về thông tin cụ thể của tỉnh Quảng Trị, nhóm tư vấn nỗ lực sử dụng các nguồn thông tin có sẵn để xây dựng một bức tranh tổng thể về vai trò giới trong mối liên hệ với tác động của biến đổi khí hậu tại Việt Nam nói chung và đối chiếu với những thông tin có sẵn của địa phương. Bên cạnh đó, các phỏng vấn sâu với đại diện lãnh đạo sở ban ngành liên quan cung cấp những thông tin kiểm chứng.

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có nhiều tiến bộ trong việc thu hẹp khoảng cách giới²; tuy nhiên, cấu trúc công việc và thu nhập, và phân công lao động trong gia đình vẫn vẫn thể hiện các khuôn mẫu giới và định kiến giới nhất định, tác động tiêu cực đến cả nam giới và nữ giới.

Nữ giới tham gia lực lượng lao động chiếm tỉ lệ cao so với mặt bằng chung toàn cầu và khu vực. Năm 2024, tỷ lệ này ước tính khoảng 69,1% cho nữ giới (so với 78,6% ở nam giới, theo ILO/World Bank, 2024), vượt trội so với mức trung bình của khu vực Đông Á - Thái Bình Dương. Mặc dù phụ nữ đóng góp đáng kể vào kinh tế, họ thường tập trung trong các khu vực dễ bị tổn thương như nông nghiệp (chiếm khoảng 70% lực lượng lao động nông nghiệp) và lao động phi chính thức (tiểu thương, dịch vụ nhỏ) – những ngành nghề thu nhập thấp và thiếu bảo hiểm xã hội. Điều này thể hiện dẫn đến tính dễ bị tổn thương hơn của phụ nữ khi đối mặt thiên tai hay thất nghiệp³. Tại Quảng Trị, phụ nữ cũng chiếm tỉ lệ cao trong hoạt động sản xuất nông nghiệp⁴ và trong lĩnh vực du lịch – thương mại; tuy nhiên, đa phần tham gia các hoạt động phi chính thức. Phụ nữ cũng chịu thiệt thòi do chênh lệch về vị trí công việc và thu nhập. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao hơn lao động nữ khoảng 1,34 lần (tính đến Quý III/2024). Tại các doanh nghiệp, tỷ lệ phụ nữ giữ các vị trí quản lý cấp cao và cấp trung vẫn còn thấp, chỉ khoảng 21,8%⁵. Điều này phản ánh phản ánh các định kiến giới về năng lực của phụ nữ và trách nhiệm gia đình cản trở phụ nữ thăng tiến. Trong dự báo về phát triển ngành du lịch Quảng Trị cho thấy nữ giới thường được tuyển dụng ở các thấy nữ giới có thể được tuyển dụng vào các vị trí dịch vụ, lễ tân, nhưng dễ bị bó hẹp trong các vai trò ít quyền lực và dễ tổn thương nếu xảy ra thiên tai⁶. Trong gia đình và cộng đồng, khuôn mẫu giới truyền thống vẫn chi phối sâu sắc việc phân lao động trong gia đình, trong đó phụ nữ được coi là người có vai trò chính trong việc chăm sóc gia

² Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), 2024. *Báo cáo Khoảng cách Giới Toàn cầu (Global Gender Gap Report)*.

³ <https://genderdata.worldbank.org/en/economies/vietnam>

⁴ Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình, 2022. Kế hoạch 2510/KH-UBND tỉnh Quảng Bình, mục tiêu và giải pháp, 2022

⁵ World Bank, 2023. Gender Data Portal. <https://genderdata.worldbank.org/en/economies/vietnam>

⁶ Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình, 2011. QĐ 1928/QĐ-UBND năm 2011. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình đến 2020, tầm nhìn 2025.

đình, tạo ra gánh nặng chăm sóc không lương cho phụ nữ cũng như gánh nặng kép cho phụ nữ tham gia hoạt động kinh tế. Đây cũng được coi là lĩnh vực thể hiện rõ nhất sự bất bình đẳng giới tại Việt Nam. Theo số liệu của UN Women, phụ nữ dành thời gian làm công việc nhà và chăm sóc không lương gấp đôi hoặc hơn nam giới. Cụ thể, phụ nữ dành trung bình gấp 2,2-2,5 lần thời gian cho các công việc không lương (như nấu ăn, dọn dẹp, chăm sóc con cái/người già) so với nam giới. Sự phân công lao động giới tính này là một trong những rào cản chính hạn chế cơ hội kinh tế và thăng tiến nghề nghiệp của phụ nữ. Công việc này không được trả lương, không được công nhận về mặt kinh tế, nhưng lại là nền tảng để xã hội và kinh tế hoạt động. Khi phụ nữ dành quá nhiều thời gian cho việc nhà, họ có ít thời gian hơn cho việc học tập, tham gia chính trị, hoặc nghỉ ngơi. Gánh nặng kép của phụ nữ trong gia đình cũng được đề cập như là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ đối với biến đổi khí hậu tại Quảng Trị⁷.

Khuôn mẫu giới về năng lực cũng cản trở sự tham gia của phụ nữ trong việc hoạch định chính sách, lập kế hoạch phát triển ở mọi lĩnh vực kinh tế xã hội. Nhất là ở cấp địa phương, phụ nữ thường ít tham gia vào quy trình lập kế hoạch do thiếu tiếng nói, thiếu đại diện trong tổ soạn thảo, và hạn chế năng lực kỹ thuật. Phụ nữ cũng ít được tham vấn đầy đủ trong quy trình chính sách khí hậu. Nam giới thường giữ vị trí lãnh đạo trong cơ quan công quyền, có ảnh hưởng lớn hơn đến định hình chính sách và phân bổ ngân sách – nhưng dễ rơi vào lối tư duy kỹ thuật thuần túy, thiếu quan tâm đến yếu tố xã hội⁸.

Mặc dù theo luật pháp cho phép phụ nữ và nam giới đều có thể đứng tên “chủ hộ”; tuy nhiên nam giới (cha, chồng, con trai) vẫn được coi là người ra quyết định cuối cùng đặc biệt trong các vấn đề quan trọng của gia đình, đặc biệt ở khu vực nông thôn hoặc các vấn đề liên quan đến tài sản thừa kế. Phụ nữ, đặc biệt ở nông thôn, có ít cơ hội đứng tên giấy tờ đất đai và tài sản hơn nam giới, làm giảm quyền tự chủ và khả năng chống chịu rủi ro kinh tế của họ. Rào cản này thể hiện rõ rệt mức dễ bị tổn thương và khả năng phục hồi sau thiên tai của phụ nữ do không được tiếp cận đến thông tin và các nguồn lực hỗ trợ (trước, trong và sau thiên tai).

Với những khuôn mẫu giới và bất bình đẳng giới kể trên, nữ giới và nam giới chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu theo những cách khác nhau do sự khác biệt về vai trò xã hội, sinh kế, và mức độ tiếp cận thông tin.

- **Phụ nữ dễ bị tổn thương hơn:** Phụ nữ, đặc biệt là ở vùng nông thôn và ven biển, thường phụ trách các công việc như trồng trọt, chăn nuôi, thu gom nước và chăm sóc gia đình. Khi hạn hán, lũ lụt hoặc xâm nhập mặn xảy ra, những công việc này trở nên khó khăn hơn, khiến phụ nữ phải làm việc nhiều hơn nhưng thu nhập lại giảm. Phụ nữ chịu tác động nặng nề hơn từ biến đổi khí hậu trong nông nghiệp (do chiếm phần lớn lao động, ít tiếp cận đất đai và đào tạo), thiếu nước (do vai trò đi lấy nước và nhu cầu vệ sinh riêng), thu gom rác thải (thiếu bảo vệ pháp lý, làm việc trong điều kiện độc hại), và thiếu năng

⁷ Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình, 2021. Kế hoạch 1158/KH-UBND tỉnh Quảng Bình (2021–2025)

⁸ UN Women, 2021. Analysis of Gender Equality Mainstreaming in Viet Nam.

lượng sạch (ảnh hưởng đến sức khỏe, cơ hội học tập, nguy cơ bị bạo lực)⁹.

- **Nam giới chịu áp lực kinh tế:** Nam giới thường đảm nhận vai trò trụ cột kinh tế trong gia đình. Khi biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, thủy sản hoặc lao động phổ thông, nam giới có thể mất việc hoặc phải di cư để tìm kiếm cơ hội mới, dẫn đến căng thẳng tâm lý và bất ổn gia đình.
- **Tác động đến sức khỏe và an toàn:** Trong các tình huống thiên tai, phụ nữ và trẻ em gái có nguy cơ cao hơn về bạo lực giới, thiếu thốn vệ sinh và chăm sóc sức khỏe sinh sản. Trong khi đó, nam giới có thể đối mặt với nguy cơ tử vong cao hơn do tham gia vào các hoạt động cứu hộ hoặc lao động nguy hiểm.

Sự phân biệt giới trong xã hội Việt Nam ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận các nguồn lực và hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu.

- **Phụ nữ ít được tiếp cận thông tin và tài nguyên:** Do hạn chế về giáo dục, thời gian và quyền ra quyết định, phụ nữ thường không được tham gia vào các chương trình đào tạo kỹ thuật, cảnh báo sớm hoặc các chính sách hỗ trợ tài chính. Điều này khiến họ khó áp dụng các biện pháp thích ứng hiệu quả.
- **Nam giới có lợi thế trong tiếp cận vốn và công nghệ:** Nam giới thường là người đứng tên sở hữu đất đai, tài sản và có quyền quyết định trong gia đình, nên dễ dàng tiếp cận các khoản vay, thiết bị sản xuất hoặc các chương trình hỗ trợ của nhà nước và tổ chức quốc tế.
- **Rào cản thể chế:** Các chính sách khí hậu hiện nay ở Việt Nam chưa lồng ghép đầy đủ yếu tố giới. Báo cáo của UN Women cho thấy bản cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam vẫn chưa thể hiện rõ nội dung lồng ghép giới trong các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, quản lý nước và năng lượng tái tạo¹⁰.

Mặc dù có sự khác biệt về điều kiện tiếp cận, cả phụ nữ và nam giới đều có những năng lực riêng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

- **Phụ nữ có khả năng thích ứng linh hoạt:** Phụ nữ thường có kiến thức bản địa về nông nghiệp, thực phẩm và nước sạch. Họ cũng có khả năng tổ chức cộng đồng, chia sẻ thông tin và hỗ trợ lẫn nhau trong các tình huống khẩn cấp. Tuy nhiên, năng lực này chưa được công nhận và khai thác đúng mức.
- **Nam giới có khả năng tiếp cận kỹ thuật và mạng lưới:** Nam giới thường tham gia vào các hoạt động kỹ thuật, xây dựng và vận hành hệ thống cảnh báo sớm, giúp tăng cường khả năng phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro. Tuy nhiên, họ cũng dễ bị tổn thương nếu thiếu sự hỗ trợ tâm lý và xã hội khi đối mặt với thất nghiệp hoặc di cư.

⁹ UNEP, UN Women, and ISPONRE, 2022. Tóm tắt Chính sách: Thực trạng Bình đẳng Giới và Biến đổi Khí hậu tại Việt Nam.

¹⁰ UNEP, UN Women, and ISPONRE, 2022. Tóm tắt Chính sách: Thực trạng Bình đẳng Giới và Biến đổi Khí hậu tại Việt Nam.

- **Cần thúc đẩy bình đẳng giới trong hành động khí hậu:** Việc lồng ghép giới vào các chiến lược ứng phó biến đổi khí hậu không chỉ giúp tăng hiệu quả mà còn đảm bảo công bằng. Các chương trình cần tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia ra quyết định, tiếp cận tài nguyên và được đào tạo kỹ năng thích ứng¹¹.

Các báo cáo và nghiên cứu về tỉnh Quảng Trị cũng phản ánh các khuôn mẫu và vai trò giới truyền thống trong xã hội Việt Nam nói chung vẫn tồn tại tại địa phương và đặc biệt tại các khu vực miền núi nơi tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Phân công lao động giới truyền thống thể hiện việc phụ nữ chịu gánh nặng kép (vừa làm kinh tế vừa lo chăm sóc gia đình), thường làm việc trong lĩnh vực phi chính quy, thiếu tiếp cận các nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ. Việc nam giới chiếm tỉ lệ lớn trong các ban phòng chống thiên tai dẫn đến các nhu cầu của nữ giới dễ bị bỏ qua. Bảng sau đây tóm tắt sự khác biệt trong ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với nam giới và nữ giới tại tỉnh Quảng Trị, theo từng lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Bảng 1. Tóm tắt tác động của biến đổi khí hậu theo giới tính tại tỉnh Quảng Trị

Lĩnh vực	Tác động đến nam giới	Tác động đến nữ giới
Sinh kế – việc làm – tiếp cận nguồn lực	- Nam giới tham gia vào các lĩnh vực kinh tế dễ bị tác động bởi biến đổi khí hậu như khai thác đánh bắt thủy sản, quản lý rừng, và đối mặt nguy cơ mất sinh kế và phải di cư nhiều hơn. - Trong lĩnh vực du lịch – dịch vụ, nam giới thường làm chủ các cơ sở lưu trú, phương tiện vận tải hoặc giữ vai trò dẫn dắt tour, do có ưu thế tiếp cận nguồn lực, kỹ năng số và ngoại ngữ. Vì vậy, mức độ ảnh hưởng ít hơn và có khả năng chuyển đổi công việc linh hoạt hơn. - Nam giới có vai trò quyết định cao hơn trong chính sách, dễ tiếp cận công nghệ, thị trường, và nguồn lực. - Nam giới thường chịu áp lực cung cấp thu nhập chính và khi bị mất	- Phụ nữ chiếm phần lớn lao động nông nghiệp nhưng đối mặt với nhiều rủi ro như mất đất sản xuất, thiếu tiếp cận tín dụng, ít có cơ hội tham gia đào tạo nghề, chuyển đổi sinh kế hoặc áp dụng kỹ thuật canh tác mới trong bối cảnh biến đổi khí hậu. - Với 83% lực lượng lao động tại Quảng Trị tham gia vào các việc làm phi chính thức ở khu vực nông thôn, lao động nữ ở nông thôn chịu tác động kép từ rủi ro của thiên tai, biến đổi khí hậu và khả năng tiếp cận đến các nguồn lực hỗ trợ phục hồi sinh kế sau thiên tai do tính chất phi chính thức của công việc. - Trong lĩnh vực du lịch, phụ nữ thường thiếu cơ hội tiếp cận nguồn lực, chịu rào cản văn hóa

¹¹ Ibid

	việc làm do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, họ có xu hướng di cư nhiều hơn so với nữ giới.	(định kiến nữ giới trong ngành du lịch) và trách nhiệm chăm sóc gia đình nên dễ bị loại khỏi chuỗi giá trị du lịch. Phân công lao động trong ngành du lịch cho thấy lao động nữ chủ yếu giữ các vị trí như dịch vụ, lễ tân, nhưng dễ bị bỏ hẹp trong các vai trò ít quyền lực và dễ tổn thương nếu xảy ra thiên tai. Phụ nữ nông thôn, nhất là ở vùng sâu xa, có nguy cơ bị bỏ lại phía sau trong chuyển đổi sinh kế nếu thiếu cơ hội đào tạo nghề, tiếp cận tài chính và thông tin. Gánh nặng chăm sóc gia đình cũng làm họ khó tham gia các mô hình nông nghiệp mới.
Sức khỏe và chăm sóc	- Nam giới tham gia vào một số ngành nghề, lĩnh vực đòi hỏi làm việc nhiều tại hiện trường (vận hành kỹ thuật, lái xe, hướng dẫn viên mạo hiểm) có thể chịu rủi ro cao hơn từ thiên tai trong khi làm việc. - Trong lực lượng ứng cứu, cứu hộ, hỗ trợ người dân sơ tán, vận hành hồ chứa, nam giới chiếm đa số và đối mặt với nguy cơ cao hơn về tai nạn và kiệt sức khi trực tiếp ứng phó với lũ dữ và mưa bão. - Tuy nhiên, nam giới ít bị tổn thương trực tiếp bởi biến đổi khí hậu trong sinh hoạt hằng ngày (liên quan đến bệnh do nguồn nước, thiếu nước sinh hoạt). - Nam giới, do các định kiến về vai trò trụ cột kinh tế và nam tính (mạnh mẽ, chịu được áp lực) dẫn đến tăng căng thẳng, trầm cảm	- Do phân công lao động giới, phụ nữ chịu tác động nặng nề về sức khỏe liên quan thiên tai và biến đổi khí hậu. Thiếu nước sinh hoạt (cho gia đình, và vệ sinh cá nhân), nguy cơ sức khỏe sinh sản do nguồn nước (ngập lụt, bão lũ), và điều kiện lao động độc hại (ví dụ, tham gia thu gom rác thải, dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai, thiếu nguồn năng lượng sạch dùng trong sinh hoạt gia đình) gia tăng ảnh hưởng đến sức khỏe của phụ nữ và trẻ em gái, đặc biệt sau thiên tai. - Phụ nữ, trẻ em và người già ở vùng sâu vùng xa thường là nhóm bị ảnh hưởng nặng nề nhất do thiên tai (lũ, sạt lở, hạn hán – ví dụ đợt lũ tháng 10/2020) vì phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp, thiếu phương tiện sơ tán, chăm sóc sức khỏe kém.

	và lo âu. Gánh nặng vai trò bảo vệ tài sản gia đình cũng tạo thêm áp lực. • Lao động di cư đến các địa phương khác gặp khó khăn, hạn chế trong tiếp cận y tế.	• Gia tăng vai trò chăm sóc gia đình và tham gia vào các hoạt động hỗ trợ cộng đồng khi thiên tai xảy ra và phục hồi sinh kế gánh nặng đã tạo ra gánh nặng kép cho phụ nữ. • Việc tiếp cận dịch vụ sức khỏe sinh sản của phụ nữ cũng hạn chế hơn, đặc biệt sau thiên tai.
Giáo dục và thông tin	• Nam giới thường có khả năng tiếp cận thông tin nhiều hơn. • Nam thanh niên dễ rời bỏ học để lao động do áp lực về vai trò trụ cột kinh tế.	• Nữ giới do ít tham gia vào vị trí quan trọng, các hoạt động xã hội và kỹ năng về công nghệ, thường hạn chế tiếp cận thông tin cảnh báo sớm. • Trẻ em gái thường có nguy cơ nghỉ học cao khi thiên tai xảy ra do khó khăn trong việc đi lại, rủi ro về sức khỏe và việc gia tăng tham gia vào các công việc nhà.
Tham gia ra quyết định	• Nam giới thường giữ vai trò lãnh đạo, có ảnh hưởng lớn hơn đến định hình chính sách và phân bổ ngân sách – nhưng dễ rơi vào lối tư duy kỹ thuật thuần túy, thiếu quan tâm đến yếu tố xã hội hoặc thiếu nhạy cảm giới trong lập kế hoạch. • Nam giới có tiếng nói trong quy hoạch địa phương và chiếm tỷ lệ cao trong tổ chức ứng phó thiên tai, các đội cứu hộ cứu nạn.	• Phụ nữ, nhất là ở cấp địa phương, thường ít tham gia vào quy trình lập kế hoạch do thiếu tiếng nói, thiếu đại diện trong tổ soạn thảo, và hạn chế năng lực kỹ thuật. Phụ nữ cũng ít được tham vấn đầy đủ trong quy trình chính sách khí hậu. • Phụ nữ thường bị xem nhẹ trong vai trò chỉ huy, chủ yếu tham gia hỗ trợ hậu cần hoặc chăm sóc sau thiên tai. Họ ít được tham gia ra quyết định, nhất là ở xã, thôn và nếu có tham gia, vai trò của phụ nữ trong các Ban chỉ đạo thường mang tính hình thức.
An toàn và rủi ro xã hội	• Do đóng vai trò quan trọng trong lực lượng cứu hộ cứu nạn, nam giới đối mặt nguy cơ tai nạn khi tham gia cứu hộ.	• Phụ nữ và trẻ em gái có nguy cơ bị bạo lực giới, hay khai thác lao động sau thiên tai. • Phụ nữ và trẻ em gái cũng gặp rủi ro cao về sức khỏe do thiếu chỗ ở an toàn trong và sau thiên tai.

- | | | |
|--|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">Nam giới cũng dễ bị tổn thương khi thiếu chuẩn bị kỹ năng ứng phó. | |
|--|--|--|

Có thể thấy, biến đổi khí hậu tác động tiêu cực tới cả nam giới và nữ giới với những độ khác nhau do tình trạng bất bình đẳng giới hiện tại cũng như các định kiến và khuôn mẫu giới định hình sâu sắc vai trò khác nhau của nam và nữ trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, dẫn đến cản trở sự tham gia và hạn chế năng lực của xã hội trong ứng phó biến đổi khí hậu. lồng ghép giới trong ứng phó biến đổi khí hậu, nhấn mạnh đến các giải pháp đáp ứng giới và tăng cường năng lực và sự tham gia công bằng là cần thiết.

6. Khung Pháp lý và Hiện trạng Lồng ghép Giới trong Lập kế hoạch Ứng phó Biến đổi Khí hậu tỉnh Quảng Trị

6.1. Khung Pháp lý Lồng ghép Giới trong Ứng phó Biến đổi khí hậu

Trong những năm qua, Việt Nam với cam kết mạnh mẽ về ứng phó biến đổi khí hậu đã nỗ lực xây dựng các khung pháp lý toàn diện từ cấp trung ương tới địa phương và các hướng dẫn lồng ghép ứng phó biến đổi khí hậu trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tương tự, các cơ sở pháp lý và chính sách thúc đẩy bình đẳng giới cũng được quan tâm và triển khai. Tuy nhiên, các quy định và hướng dẫn về lồng ghép giới trong ứng phó biến đổi khí hậu còn chung chung, thiếu các hướng dẫn cụ thể hoặc thiếu sự phối hợp giữa ứng phó biến đổi khí hậu và thúc đẩy bình đẳng giới. Một số văn bản quan trọng liên quan đến lồng ghép giới trong ứng phó biến đổi khí hậu có thể được tham khảo sau đây.

Quyết định QĐ 896/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050: Chiến lược khung về ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2050, xác định các mục tiêu giảm phát thải, tăng cường thích ứng, nâng cao năng lực thể chế, khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế. Quyết định nhấn mạnh vai trò của giới trong thích ứng biến đổi khí hậu, đề cập nhu cầu nâng cao nhận thức và năng lực giới, xác định yếu tố giới là một phần của năng lực thể chế cần được nâng cao. Tuy nhiên, văn bản chưa cụ thể hóa chỉ tiêu hay cơ chế lồng ghép giới, cam kết ngân sách cụ thể. Các nội dung giới cũng chưa được cụ thể hóa trong các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, nhất là ở cấp địa phương.

Quyết định QĐ 1055/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2021–2030: Chiến lược đề ra mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp quốc gia nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục, y tế, văn hóa, truyền thông, với 6 mục tiêu cụ thể và 20 chỉ tiêu định lượng đến 2030. Tuy nhiên, văn bản này chưa liên hệ trực tiếp đến biến đổi khí hậu và kết nối với các chiến lược biến đổi khí hậu hiện hành.

Kế hoạch 1158/KH-UBND thực hiện Chiến lược Bình đẳng giới tại Quảng Bình giai đoạn 2021–2025: Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, đề ra 6 mục tiêu cụ thể với hơn 20 chỉ tiêu định lượng về Bình đẳng giới trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, giáo dục, y tế, gia đình và truyền thông. - Chưa đề cập biến đổi khí hậu rõ ràng – có thể lồng ghép các giải pháp giới này vào giải pháp thích ứng trong CCRAP. Kế hoạch chưa đưa ra hướng dẫn/ tích hợp việc thực kế hoạch này trong tiến trình xây dựng CCRAP của tỉnh.

Báo cáo cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó Biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Bình 2023: Tổng hợp hiện trạng, tiến độ thực hiện và đề xuất cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cấp tỉnh theo định hướng chiến lược quốc gia và NDCs. Tài liệu chủ yếu mô tả tiến độ, cập nhật hoạt động kỹ thuật, thiếu nội dung phân tích giới hoặc lồng ghép giới trong đánh giá

và đề xuất. Một số nội dung có thể ảnh hưởng đến nhóm yếu thế nhưng không phân tích theo giới và chưa đề cập vai trò, nhu cầu hay rủi ro khác biệt giữa nam và nữ giới trong ứng phó biến đổi khí hậu.

Hướng dẫn lồng ghép giới vào Kế hoạch hành động ứng phó với Biến đổi khí hậu cấp tỉnh (Bộ NNMT- 2024): Tài liệu hướng dẫn cụ thể quy trình và công cụ để lồng ghép giới vào Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cấp tỉnh (CCARP), gồm 5 bước với minh họa và khuyến nghị. Tài liệu trình bày cụ thể vai trò của giới trong ứng phó biến đổi khí hậu, có công cụ phân tích giới, ví dụ thực tiễn, và khuyến nghị rõ về chỉ số, ngân sách, và quy trình tham vấn. Có thể nói đây là một tài liệu đầy đủ nhất đến thời điểm hiện tại về hướng dẫn lồng ghép giới trong CCARP cấp địa phương. Tuy nhiên, nội dung giới trong quy trình xây dựng CCARP chưa đề cập chế độ hóa và cơ chế bắt buộc áp dụng ở cấp tỉnh chưa được đề cập một cách rõ ràng và cụ thể.

Có thể thấy, một hệ thống văn bản pháp qui và chính sách về ứng phó biến đổi khí hậu và thúc đẩy bình đẳng giới đã được xây dựng và triển khai. Tuy nhiên, những hướng dẫn lồng ghép thúc đẩy bình đẳng giới trong các chính sách, chương trình ứng phó biến đổi khí hậu và đặc biệt ở cấp địa phương và lồng ghép vào trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội cụ thể vẫn còn bỏ ngỏ.

6.2. Rà soát Lồng ghép Giới trong bản cập nhật CCRAP Quảng Trị 2025 – 2030

Phân tích giới trong biến đổi khí hậu cho thấy sự cấp thiết của việc xác định sự khác biệt của tình trạng dễ bị tổn thương đối với biến đổi khí hậu giữa nam giới và nữ giới, đáp ứng nhu cầu khác biệt đó và tăng cường năng lực và sự tham gia của nam giới và nữ giới trong các chương trình và giải pháp ứng phó.

Mục đích của việc rà soát Bản kế hoạch CCRAP tỉnh Quảng Trị thực hiện năm 2025 nhằm xác định Bản kế hoạch đã đáp ứng các yêu cầu về lồng ghép giới như thế nào, và có những khoảng trống nào cần cải thiện. Các câu hỏi được sử dụng để hướng dẫn việc rà soát bao gồm:

1. Phân tích giới trong biến đổi khí hậu tại tỉnh Quảng Trị có được thực hiện không? Nếu có, các kết quả phân tích được thể hiện như thế nào trong bản kế hoạch?
2. Phần phân tích bối cảnh và đánh giá tác động biến đổi khí hậu có làm rõ các yếu tố giới (vai trò giới, định kiến giới và các bất bình đẳng giới) trong biến đổi khí hậu? Các tác động của biến đổi khí hậu tới con người có nêu rõ sự khác biệt giữa nam giới, nữ giới và các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khác?
3. Các thông tin, số liệu sử dụng trong lập kế hoạch có phân tách theo giới?
4. Các mục tiêu của kế hoạch có hướng tới đáp ứng nhu cầu khác biệt giữa nam và nữ giới trong ứng phó biến đổi khí hậu và đảm bảo sự tham gia và hưởng lợi từ các chương trình, chính sách một cách công bằng?
5. Các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu có tính đến nhu cầu và mong đợi khác biệt giữa nam và nữ giới, có xây dựng ngân sách để đảm bảo yếu tố giới?

6. Kế hoạch có xây dựng các chỉ số giới và kế hoạch giám sát và đo lường việc đạt được các mục tiêu và các chỉ số giới trong CCRAP?
7. Bản kế hoạch có chỉ ra những thách thức trong việc tiếp cận theo hướng đáp ứng giới và nêu các đề xuất cải thiện?

Rà soát bản kế hoạch CCRAP thông qua các câu hỏi kể trên cho thấy về tổng thể kế hoạch CCRAP Quảng Trị cập nhật 2025 chưa đáp ứng được yêu cầu lồng ghép giới, bao gồm thiếu một phân tích giới toàn diện để cung cấp thông tin cho tiến trình lập kế hoạch, các mục tiêu của kế hoạch cũng như các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu hoàn toàn chưa đề cập đến yếu tố giới, thiếu một bộ chỉ số đo lường và giám sát giới. Điều này dẫn đến việc bản kế hoạch không phản ánh được sự cần thiết để nâng cao năng lực về giới cho các đơn vị ban ngành liên quan cũng như việc xây dựng ngân sách phù hợp để đáp ứng việc lồng ghép giới tại địa phương.

Kết quả này cũng tương đồng với thông tin thu nhận được qua các phỏng vấn sâu với đại diện lãnh đạo các sở ban ngành. Hầu như ở cấp tỉnh các sở ban ngành có được chia sẻ về sự cần thiết của lồng ghép giới trong ứng phó biến đổi khí hậu nhưng làm như thế nào và cụ thể ra sao thì không rõ. *“Lồng ghép giới vẫn chưa được quan tâm, mặc dù các hội thảo vẫn nhắc đến nhưng để đi sâu và ra hành động rõ nét... mới dừng ở mức khẩu hiệu”* là chia sẻ của một đại diện sở trong phỏng vấn sâu.

Một lý do khác của việc thiếu lồng ghép giới trong CCRAP có thể liên hệ đến việc các số liệu, thông tin báo cáo, cập nhật về thiên tai, tình hình biến đổi khí hậu tại địa phương gần như không có phân tách theo giới ở trong tất cả các lĩnh vực bị ảnh hưởng. Điều này dẫn đến việc các đơn vị liên quan khó nhận diện được sự khác biệt trong ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với nam giới, nữ giới và các đối tượng dễ bị tổn thương khác tại địa phương.

Nhóm tư vấn, dựa trên kết quả rà soát bản kế hoạch CCRAP cũng như tham vấn với các sở ban ngành liên quan đề xuất việc cập nhật tài liệu này với các nội dung chính sau đây:

- Rà soát các số liệu, dẫn chứng sẵn có về phân tích giới trong biến đổi khí hậu tại Quảng Trị, bổ sung các thông tin về tác động khác nhau của biến đổi khí hậu tới nam giới và nữ giới trong các mục về Bối cảnh và Tác động của biến đổi khí hậu.
- Điều chỉnh lại các mục tiêu của bản kế hoạch hướng tới giải quyết một số nhu cầu ứng phó biến đổi khí hậu cơ bản và khác biệt giữa nam giới và nữ giới.
- Đề xuất bổ sung vào phần quan điểm và nguyên tắc lồng ghép ứng phó biến đổi khí hậu, các nội dung ứng phó biến đổi khí hậu và các giải pháp đề xuất các yếu tố giới cần thiết.
- Đề xuất bổ sung các chỉ số giới trong ứng phó biến đổi khí hậu.

Các đề xuất bổ sung lồng ghép giới trong bản kế hoạch CCRAP tập trung vào một số nội dung cơ bản sau:

- Nhận diện và đáp ứng được sự khác biệt về giới trong tác động của biến đổi khí hậu đối với nam giới và nữ giới cũng như khác biệt trong năng lực ứng phó.

- Các giải pháp cụ thể để giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương, đặc biệt của nữ giới trong các lĩnh vực chịu ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu như nông nghiệp – môi trường, du lịch, thương mại, y tế và giáo dục.
- Thúc đẩy sự tham gia của nữ giới trong toàn bộ tiến trình lập kế hoạch và triển khai các hoạt động, giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu.
- Cân nhắc việc nâng cao năng lực cho địa phương, đặc biệt ở các sở ban ngành đầu mối và chịu ảnh hưởng nhiều của biến đổi khí hậu.
- Nâng cao vai trò điều phối và giám sát của Hội Liên hiệp Phụ nữ trong việc thúc đẩy sự tham gia của nữ giới cũng như triển khai các dự án hướng tới giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương của nữ giới đối với biến đổi khí hậu.

6.3. Năng lực Lồng ghép Giới tại Địa phương

Nhận thức về sự cần thiết của Lồng ghép giới trong CCRAP nhưng chưa có hành động cụ thể: Trong những năm gần đây tỉnh Quảng Trị cũng như các địa phương khác trong cả nước đã chú trọng hơn tới việc lồng ghép giới trong ứng phó biến đổi khí hậu thông qua các khung pháp lý và chính sách được xây dựng ở trung ương và các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành ở địa phương đã thể hiện được tinh thần này. Tuy nhiên, như một địa diện lãnh đạo sở chia sẻ trong buổi phỏng vấn sâu cho thấy năng lực lồng ghép giới mới dừng ở mức độ địa phương có nhận thức về tầm quan trọng của việc lồng ghép giới; tuy nhiên, không nhất thiết hiểu rõ tác động khác biệt của biến đổi khí hậu đối với nam giới, nữ giới và các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khác: *“(Vẫn còn) thiếu sự quan tâm (của các sở ban ngành) – (do chưa) hiểu về khác biệt tác động giới trong biến đổi khí hậu và chưa có định hướng, biết cách làm. 80% các sở ngành chưa nhận thức được bất bình đẳng giới trong biến đổi khí hậu, và chỉ có Sở Nông nghiệp và Môi trường nắm được cách làm lồng ghép giới.”*

Năng lực Lồng ghép giới trong ứng phó biến đổi khí hậu còn thiếu: Như phân tích ở trên và chia sẻ của đại diện lãnh đạo sở ban ngành, địa phương nhận thức được sự cần thiết lồng ghép giới trong các nỗ lực ứng phó biến đổi khí hậu tuy nhiên, nhận thức sâu về giới, tác động khác biệt của biến đổi khí hậu đối với nam giới và nữ giới, làm thế nào để xây dựng các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu có đáp ứng giới trong CCRAP cũng như công tác đo lường và giám sát có tính yếu tố giới vẫn là khoảng trống về năng lực của các sở ban ngành tại địa phương. Đơn cử một ví dụ liên quan đến giai đoạn chuẩn bị lập kế hoạch CCRAP thiếu lồng ghép giới: *“Lẽ ra phải được lồng ghép giới từ giai đoạn xây dựng đề cương nhiệm vụ. Tư vấn cần có kinh phí để điều tra, khảo sát ban đầu.”* (Phỏng vấn sâu với đại diện lãnh đạo sở ban ngành). Mặc dù có một số khóa tập huấn về giới và các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức giới, nâng cao năng lực cụ thể trong lồng ghép giới vào CCRAP chưa được thực hiện tại Quảng Trị. Trao đổi với đại diện lãnh đạo các sở ban ngành đều chia sẻ mong muốn được tập huấn chuyên sâu hơn về nội dung lồng ghép giới trong ứng phó biến đổi khí hậu.

Công tác điều phối và vai trò chủ động của mỗi sở ban ngành trong Lồng ghép giới cần được chú trọng. Hầu như việc lồng ghép giới trong biến đổi khí hậu được mặc định là vai trò của sở

Nông nghiệp và Môi trường và các chương trình, hoạt động liên quan đến phụ nữ sẽ do Hội Liên hiệp Phụ nữ chủ trì. Bên cạnh đó, chưa có hướng dẫn cụ thể về việc lồng ghép giới trong từng lĩnh vực/ ngành kinh tế - xã hội, ví dụ, làm thế nào để lồng ghép giới trong kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu của ngành y tế hay giáo dục, cũng là một rào cản trong nỗ lực thúc đẩy bình đẳng giới trong ứng phó biến đổi khí hậu.

Thông tin, dữ liệu liên quan đến biến đổi khí hậu có phân tách giới: Trao đổi với đại diện sở ban ngành cho thấy hầu hết các thông tin, dữ liệu báo cáo về tình hình biến đổi khí hậu, tác động của thiên tai tới địa phương và dự báo ảnh hưởng thường tập trung vào tác động/ dự báo theo ngành/ lĩnh vực và chưa có phân tách giới. Theo đại diện các sở, hệ thống biểu mẫu thu thập số liệu được qui định từ trung ương, do đó, việc điều chỉnh bổ sung yêu cầu thông tin có phân tách giới cần được sự chỉ đạo từ cấp trên. Mặc dù vậy, các đại diện đều cho biết việc thu thập thông tin phân tách giới là có thể thực hiện được.

7. Các Phát hiện chính của Phân tích Giới

Rà soát tài liệu, báo cáo hiện có liên quan đến phân tích giới trong biến đổi khí hậu tại Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng, và tham vấn với đại diện lãnh đạo sở ban ngành tại địa phương cho thấy một số điểm chính sau đây.

- a. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống người dân tại Quảng Trị; tuy nhiên tác động tới nam giới, nữ giới và các nhóm dễ bị tổn thương khác là khác nhau. Nữ giới thường bị tổn thương hơn và khả năng phục hồi thấp hơn so với nam giới do tham gia nhiều trong các lĩnh vực như nông nghiệp, dịch vụ và các hoạt động kinh tế phi chính thức khác – là những ngành dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai.
- b. Các định kiến và khuôn mẫu giới định hình vai trò người phụ nữ trong chăm sóc gia đình và cộng đồng đã tạo gánh nặng kép cho họ khi đối mặt thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu – vừa lo hoạt động sinh kế vừa đảm bảo an toàn và chăm sóc gia đình (lương thực, thực phẩm, sức khỏe, chăm sóc người già, trẻ em) dẫn đến bị ảnh hưởng nặng hơn do thiên tai và biến đổi khí hậu. Do vai trò chủ gia đình/ra quyết định thường do nam giới nắm giữ, nữ giới ít được tiếp cận đến thông tin, nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ liên quan đến biến đổi khí hậu.
- c. Nữ giới mặc dù có năng lực ứng phó biến đổi khí hậu do họ có kinh nghiệm và hiểu biết trong sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực kinh tế khác cũng như hiểu biết về cộng đồng địa phương, lại thường ít tham gia vào các hoạt động lập kế hoạch và triển khai ứng phó.
- d. Các sở ban ngành có nhận thức về sự cần thiết thúc đẩy bình đẳng giới nói chung và lồng ghép giới trong ứng phó biến đổi khí hậu nói riêng; tuy nhiên, năng lực lập kế hoạch và triển khai lồng ghép giới vẫn là khoảng trống tại địa phương. Nâng cao nhận thức sâu sắc về giới trong ứng phó biến đổi khí hậu và năng lực lồng ghép giới trong lập kế hoạch CCRAP và triển khai các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, đặc biệt lồng ghép giới trong từng ngành/ lĩnh vực cụ thể là nhu cầu cấp thiết được các sở ban ngành thể hiện.
- e. Khung pháp lý về bình đẳng giới và lồng ghép giới trong biến đổi khí hậu tạo một hành lang pháp lý và chính sách quan trọng cho việc triển khai lồng ghép giới tại địa phương. Tuy nhiên, việc lồng ghép giới trong các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của từng ngành/ lĩnh vực, chưa rõ nét và thiếu sự điều phối giữa các bên liên quan. Việc này có thể giải thích một phần liên quan đến năng lực lồng ghép giới của địa phương cũng như thiếu một công cụ hướng dẫn lồng ghép giới cụ thể trong mỗi ngành/ lĩnh vực.
- f. Lồng ghép giới trong bản kế hoạch CCRAP Quảng Trị cập nhật 2025 còn nhiều khoảng trống từ việc thiếu một phân tích giới làm nền tảng cho việc xây dựng kế hoạch có tính đến yếu tố giới tới các nội dung, giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu vắng bóng những giải pháp đáp ứng nhu cầu khác biệt về ứng phó biến đổi khí hậu và thúc đẩy sự tham gia của nam giới và nữ giới, cho tới việc đo lường giám sát thực hiện kế hoạch có tính đến các yếu tố giới kể trên.

8. Khuyến nghị

Dựa trên phân tích giới và tham vấn với các sở ban ngành, nhóm tư vấn đưa ra các khuyến nghị sau đây tập trung vào việc nâng cao năng lực và hoàn thiện qui trình lồng ghép giới tại địa phương.

- a. Rà soát và cập nhật bản kế hoạch CCRAP Quảng Trị 2025, tính đến các sự khác biệt về tác động của biến đổi khí hậu, nhu cầu ứng phó và sự tham gia trong lập kế hoạch và triển khai kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu của nam giới và nữ giới. Đảm bảo bản kế hoạch có bổ sung ngân sách đáp ứng giới và đo lường các chỉ số giới.
- b. Xây dựng một công cụ hướng dẫn lồng ghép giới nhằm cung cấp các hướng dẫn ngắn gọn, dễ thực hiện không chỉ dừng ở cấp địa phương (tỉnh) và hướng tới việc lồng ghép giới trong từng ngành/ lĩnh vực cụ thể, đặc biệt các lĩnh vực dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu, bao gồm nông nghiệp – môi trường, du lịch, thương mại – dịch vụ, y tế và giáo dục.
- c. Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực về phân tích giới và lồng ghép giới trong các ngành/ lĩnh vực cho các sở ban ngành địa phương, đặc biệt những lĩnh vực dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu như đã nêu trên.
- d. Duy trì việc giám sát và hỗ trợ các sở ban ngành trong việc lập kế hoạch CCRAP, lập kế hoạch và triển khai các giải pháp/ dự án đã được đề xuất trong CCRAP theo hướng đáp ứng giới nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong ứng phó biến đổi khí hậu.
- e. Tăng cường hoạt động điều phối giữa các sở ban ngành để đảm bảo tính toàn diện trong việc lập kế hoạch và triển khai CCRAP ở từng ngành/ lĩnh vực và của toàn tỉnh.

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Thống kê (GSO) Việt Nam: Dữ liệu về Lao động - Việc làm, thu nhập và thống kê giới quốc gia.
2. Ngân hàng Thế giới (World Bank) và UN Women: Báo cáo *Women, Business and the Law* (2024), *Gender Data Portal* (2024), và các báo cáo đánh giá giới quốc gia.
3. Gender Data Portal & Partners. (2024). *Vietnam gender report 2024*. Gender Health Data.
4. UNEP, UN Women, and ISPONRE, 2022. Tóm tắt Chính sách: Thực trạng Bình đẳng Giới và Biến đổi Khí hậu tại Việt Nam.
5. UN Women, 2021. Analysis of Gender Equality Mainstreaming in Viet Nam.
6. UN Women & UNDP. (2021). *Giới và Biến đổi khí hậu tại Việt Nam: Phân tích rủi ro và khuyến nghị chính sách*. Hà Nội, Việt Nam.
7. UN Women & UNDP. (2021). *Gender and tourism under climate stress: Insights from Central Vietnam*. Hà Nội, Việt Nam.
8. GIZ Việt Nam. (2022). *Gender integration in climate-resilient livelihoods in Central Vietnam*. Hà Nội, Việt Nam.
9. Oxfam Việt Nam. (2020). *Tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế và bất bình đẳng giới ở miền Trung Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam.
10. CARE International in Vietnam. (2018). *Gender-sensitive climate change adaptation at community level: A practical guide*. Hà Nội, Việt Nam.
11. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2021). *Hướng dẫn lồng ghép giới trong kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu*. Hà Nội, Việt Nam.
12. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. (2022). *Báo cáo quốc gia về bình đẳng giới Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam.
13. Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2020). *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam.
14. Tổng cục Phòng, chống thiên tai. (2021). *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai khu vực miền Trung*. Bộ NN&PTNT.
15. Viện KH KTTV & BĐKH. (2021). *Tác động của biến đổi khí hậu đến nhóm dễ tổn thương theo giới tại Bắc Trung Bộ*. Bộ Tài nguyên & Môi trường.
16. Bộ Y tế – Cục Y tế Dự phòng. (2019). *Báo cáo Tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe cộng đồng ở Việt Nam*.
17. Sở Du lịch Quảng Bình. (2021). *Báo cáo tổng kết ngành và phục hồi sau thiên tai 2020–2021*. Đồng Hới, Quảng Bình.
18. Tổng cục Du lịch. (2023). *Kế hoạch phục hồi du lịch bền vững miền Trung sau bão lũ*. Bộ VH-TT&DL.
19. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình. (2023). *Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050*. Quảng Bình, Việt Nam.

20. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình. (2021). *Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021–2025*. Quảng Bình, Việt Nam.
21. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình. (2023). *Kế hoạch số 667/KH-UBND thực hiện phát triển du lịch nông thôn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021–2025*.
22. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình. (2021). *Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021–2025*. Cổng thông tin điện tử Quảng Bình.
23. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. (2020). *Giới trong nông nghiệp và phát triển nông thôn ở Việt Nam*. Cổng thông tin Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.